

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Ban chỉ đạo và Công bố công khai Quy chế công khai
trong nhà trường theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
Năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PT DÂN TỘC NỘI TRÚ HÀ NỘI

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Căn cứ Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Phổ thông DTNT;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường năm học 2022-2023 theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT gồm các ông (bà) có tên sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thành Long	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Hiền	Phó Hiệu trưởng	Phó trưởng ban
3	Bùi Đức Thạnh	Phó Hiệu trưởng	Phó trưởng ban
4	Đinh Đức Thuận	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
5	Nguyễn Thanh Dung	Nhân viên Kế toán	Thành viên
6	Trần Thị Thúy Vân	Nhân viên thiết bị	Thành viên
7	Đinh Công Thuận	Trưởng ban hội CMHS	Thành viên
7	Lê Xuân Tùng	Nhân viên KSTH – phụ trách cổng thông tin điện tử trường	Thành viên
8	Ngô Mạnh Luân	Trưởng ban TTND	Thành viên



Điều 2: Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, hoàn thành đầy đủ, chính xác các nội dung và tiến hành công khai theo đúng quy định của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT. Nhiệm vụ của các thành viên do Trưởng ban phân công.

Điều 3. Thực hiện công bố công khai các nội dung theo “Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân” trên trang thông tin điện tử của nhà trường trước ngày 30/6/2023.

Điều 4: Các bộ phận văn phòng, chuyên môn và các ông (bà) có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 1 (T/h)
- Lưu VY.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thành Long



CÔNG KHAI THU- CHI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2022-2023

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo Hà Nội về việc Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Trường Phổ thông dân tộc nội trú công khai tình hình thực hiện công khai thu - chi tài chính năm học 2022-2023 như sau:

ĐVT: Triệu đồng			
TT	Nội dung	Tình hình thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4
I	Các khoản chi theo từng năm học		
1	Các khoản chi lương (= TM 6000,6050,6100,6300)	8986	
2	Chi bồi dưỡng chuyên môn	712	
3	Chi hội họp, hội thảo (=TM6650)	3	
4	Chi tham quan học tập trong nước	0	
5	Mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý:		
5.1	Mức cao nhất	16	
5.2	Mức bình quân	12	
5.3	Mức thấp nhất	8	
6	Mức chi thường xuyên/1 học sinh/năm	23	
7	Chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị	1000	
II	Mức thu học phí và các khoản thu khác	0	
1	Thu học phí	0	
III	Chính sách học bổng và kết quả thực hiện năm học 2022-2023		
1	Học bổng học sinh dân tộc nội trú năm học 2021-2022	9541	

Ba Vì, ngày 20 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thành Long

Biểu mẫu 09

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG PTDT NỘI TRÚ

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông
năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp									
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12			
I	Điều kiện tuyển sinh	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	BGD&ĐT	BGD&ĐT	BGD&ĐT	BGD&ĐT	BGD&ĐT	BGD&ĐT	BGD&ĐT			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Trên 95%	Trên 95%	Trên 95%	Trên 95%	Trên 95%	Trên 95%	Trên 95%			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ khả năng	Đủ khả năng	Đủ khả năng	Đủ khả năng	Đủ khả năng	Đủ khả năng	Đủ khả năng			

Ba VI, ngày 20 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thành Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG PTDT NỘI TRÚ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp									
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12			
I	Số học sinh chia theo hành kiểm	840	105	106	106	107	140	135	141			
	Tốt	751	103	95	85	94	114	123	137			
	(tỷ lệ so với tổng số)	89,4%	98,1%	89,6%	80,2%	87,9%	81,4%	91,1%	97,2%			
2	Khá	84	2	11	19	12	25	11	4			
	(tỷ lệ so với tổng số)	10,0%	1,9%	10,4%	17,9%	11,2%	17,9%	8,1%	2,8%			
	Trung bình	5	0	0	2	1	1	1	0			
3	(tỷ lệ so với tổng số)	0,6%	0,0%	0,0%	1,9%	0,9%	0,7%	0,7%	0,0%			
	Yếu	0	0	0	0	0	0	0	0			
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,00%	0			
II	Số học sinh chia theo học lực	840	105	106	106	107	140	135	141			
	Giỏi	176	20	24	30	15	22	14	51			
	(tỷ lệ so với tổng số)	21,0%	19,0%	22,6%	28,3%	14,0%	15,7%	10,4%	36,2%			
2	Khá	496	64	57	48	60	79	104	84			
	(tỷ lệ so với tổng số)	59,0%	61,0%	53,8%	45,3%	56,1%	56,4%	77,0%	59,6%			
	Trung bình	162	21	23	26	32	37	17	6			
3	(tỷ lệ so với tổng số)	19,3%	20,0%	21,7%	24,5%	29,9%	26,4%	12,6%	4,3%			
	Yếu	6	0	2	2	0	2	0	0			
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,7%	0,0%	1,9%	1,9%	0,0%	1,4%	0,0%	0			
5	Kém	0	0	0	0	0	0	0	0			
	(tỷ lệ so với tổng số)	0	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0			
	Tổng hợp kết quả cuối năm	840	105	106	106	107	140	135	141			
I	Lên lớp	834	105	104	104	107	138	135	141			
	(tỷ lệ so với tổng số)	99,3	100%	98,1%	98,1%	100%	98,6%	100,0%	100%			
	Học sinh giỏi	175	20	24	30	15	22	14	50			
a	(tỷ lệ so với tổng số)	20,8%	19,0%	22,6%	28,3%	14,0%	15,7%	10,4%	35,5%			

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp									
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12			
b	Học sinh tiên tiến	295			46	60		104	85			
	(tỷ lệ so với tổng số)	35,10%			43,4%	56,1%		77,0%	60,3%			
	Thi lại	6	0	2	2		0	0	0			
2	(tỷ lệ so với tổng số)	0,70%	0,0%	1,9%	1,9%	0,0%	1,4%	0,0%	0,0%			
	Lưu ban	0	0	0	0	0	0	0	0			
3	(tỷ lệ so với tổng số)	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%			
	Chuyển trường đến/đi	9	2	3	2	2	0	0	0			
4	(tỷ lệ so với tổng số)	1,1%	1,9	2,8	1,9	1,9	0	0	0			
	Bị đuổi học	0	0	0	0	0	0	0	0			
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	2	0	0	0	0	0	2	0			
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	45	1	2	7	22	0	11	2			
	Cấp huyện	39	1	2	7	19	0	10	0			
2	Cấp tỉnh/thành phố	6				3	0	1	2			
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0	0	0	0			
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	248	0	0	0	107	0	0	141			
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp cả hai hệ	107	0	0	0	107						
	Giỏi	15	0	0	0	15						
1	(tỷ lệ so với tổng số)	14,0%				14,0%						
	Khá	60	0	0	0	60						
2	(tỷ lệ so với tổng số)	56,1%				56,1%						
	Trung bình	32	0	0	0	32						
3	(Tỷ lệ so với tổng số)	29,9%				29,9%						
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng											
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	296/544	34/71	46/60	34/72	47/60	52/88	36/99	47/94			
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	840	105	106	106	107	140	135	141			

Bà N, ngày 20 tháng 05 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thành Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG PTDT NỘI TRÚ

Biểu mẫu 11

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	SL	Bình quân	GHI CHÚ
I	Số phòng học	24	Số m ² /học sinh	
II	Loại phòng học		-	
1	Phòng học kiên cố	24	1.35	MỖI PHÒNG 54m2
2	Phòng học bán kiên cố	0	0	
3	Phòng học tạm	0	-	
4	Phòng học nhờ	0	-	
5	Số phòng học bộ môn	11	2	MỖI PHÒNG 74m2. (có phòng Âm nhạc, Mỹ thuật, 2 phòng Tin, DT dưới 74 m2))
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1		Phòng tầng 1 thư viện (có 01 ti vi)
7	Bình quân lớp/phòng học	24/24	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	35	-	
III	Số điểm trường	1	-	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	41681	49,3	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	10559	12,5	
VI	Tổng diện tích các phòng	3162		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1296	1,5	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	888	1,1	
3	Diện tích thư viện (m ²)	120	0,2	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	750		
5	phòng truyền thống (m ²)	108	0.2	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu			
	(Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	7	7/24 lớp	
1,1	Khối lớp 6	0	1/3 lớp	
1,2	Khối lớp 7	0	1/3 lớp	

1,3	Khối lớp 8	1	1/3lớp			
1,4	Khối lớp 9	1	1/3lớp			
1,5	Khối lớp 10	0	1/4 lớp			
1,6	Khối lớp 11	1	1/4 lớp			
1,7	Khối lớp 12	1	1/4 lớp			
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định					
2,1	Khối lớp 6	1	1/3 lớp	chương trình GDPT 2018		
2,2	Khối lớp 7	1	1/3 lớp	chương trình GDPT 2018		
2,3	Khối lớp 8	0				
2,4	Khối lớp 9	0				
2,5	Khối lớp 10	1	1/4 lớp	chương trình GDPT 2018		
2,6	Khối lớp 11	0				
2,7	Khối lớp 12	0				
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0				
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	68	Số học sinh/bộ			
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp			
1	Ti vi	4				
2	Cát xét	3				
3	Đầu Video/dầu đĩa	1				
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	35				
5	Đàn	24				
	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp	1				
XI	Nhà ăn	1				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0				
XIII	Khu nội trú	96	768	2,25		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh		
			Chung	Nữ	Chung	Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		3; 3		0.11; 0.115
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Ba Vì, ngày 20 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thành Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG PTDT NỘI TRÚ

Biểu mẫu 12

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

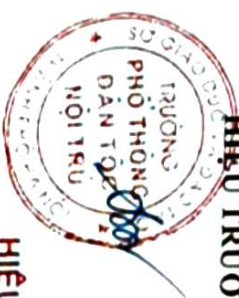
STT	Nội dung Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	Tổng số	Trình độ đào tạo										Hạng chức danh nghề nghiệp					Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ThS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém					
	Giáo viên																			
I	Trong đó số giáo viên dạy môn:	49		10	39	0	0	0		40	9	0	0		44	5	0			
1	Toán	8		3	5					7	1				7	1				
2	Lý	4		2	2					4					4					
3	Hóa	3		1	2					3					2	1				
4	Sinh	3		1	2					2	1				3					
5	Văn	7		2	5					5	2				6	1				
6	Sử	3			3					2	1				3					
7	Địa	3		1	2					2	1				3					
8	Tiếng anh	5			5					4	1				4	1				
9	GDCD	2			2					1	1				2					
10	Công nghệ	1			1					1					1					
11	Thể dục	4			4					3	1				4					
12	Âm nhạc	1			1					1					1					
13	Mỹ thuật	1			1					1						1				
14	Tin học	2			2					2					2					
15	GDQP	1			1					1					1					
16	kỹ thuật công nghiệp	1			1					1					1					
II	Cán bộ quản lý	3																		
	Hiệu trưởng	1		1							1				1					



STT	Nội dung Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuyên môn nghiệp vụ		
			TS	ThS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
2	Phó hiệu trưởng	79		10	39	0	0	0	41	0	0			0	0
III	Nhân viên	27							2					2	
1	Nhân viên văn thư	0			0										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	2					2								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	2			2										
7	Lái xe	1			1										
8	Nhân viên cấp dưỡng	13					13								
9	Nhân viên bảo vệ	6			1										
10	Nhân viên công nghệ thông tin	1			1				1						

Ba Vì, ngày 6 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thành Long

